

Bản án số: 09/2019/HS-ST

Ngày 22 - 5 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Xuân Lâm

Bà Nguyễn Thị Luyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Công M, sinh năm 1995 tại huyện H, tỉnh B; Nơi cư trú thôn: D, xã V, huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Phạm Ngọc Q và bà Vũ Thị D; vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Bản án số 05/2017/HSST ngày 31/3/2017, Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh B, xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đến ngày 20/10/2018 chấp hành xong án phạt tù (Chưa xóa án tích).

Tiền sự: Ngày 18/2/2016, Công an thành phố T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 07/3/2016, Công an thành phố T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 7.000.000 đồng về hành vi tàng trữ vũ khí thô sơ mà không có giấy phép và 1.000.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Phạm Công M chưa chấp hành 02 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên

Bị can bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ từ ngày 29/12/2018 đến ngày 04/01/2019 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B Có mặt.

2. Phạm Văn T, sinh năm 1994 tại huyện H, tỉnh B; Nơi cư trú thôn: D, xã V, huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Phạm Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Q và có vợ: Lê Thị N; chưa có con; tiền án, tiền sự: Không. Có mặt.

- Bị hại: Anh **Bùi Khắc C**, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Phố L, phường P, thành phố B, tỉnh B. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Vũ Văn C, sinh năm 1985.
2. Anh Lê Thanh N, sinh năm 1983.
3. Anh Chu Đức T1, sinh năm 2000.
4. Anh Vũ Tuấn K, sinh năm 2001.
5. Anh Phạm Văn C1, sinh năm 2003.
6. Anh Vũ Văn C2, sinh năm 1970.
7. Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1973.
8. Chị Võ Thị V, sinh năm 1984.
9. Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1979.
10. Anh Bùi Quang T2, sinh năm 1985.
11. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1954.

Những người làm chứng được triệu tập đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Công M có mối quan hệ bạn bè với anh Chu Đức T 1. Khoảng giữa tháng 12/2018, anh Chu Đức T1, nhờ M đứng ra hòa giải việc em họ của T1 là Vũ Tuấn K, đang là học sinh lớp 12B3 trường THPT Trần Hưng Đạo ở phường P, thành phố B, bị Phạm Văn C1 đánh tại khu vực phường T, thành phố B. M biết anh Bùi Khắc C quen biết với C1 nên đồng ý gọi điện thoại cho anh C nhờ hòa giải việc C đánh K. M nói với C “Ông về bảo mấy thằng em ông đừng đánh thằng em tôi học trường Trần nữa”, anh C đồng ý. Đến cuối tháng 12/2018, K tiếp tục bị C chặn đánh, nên ngày 28/12/2018, M điện thoại cho anh C xin số điện thoại của C1 mục đích để tìm gặp và đánh C1. Anh C không cho M số điện thoại của C1 và thách thức M “Muốn đánh nó thì phải bước qua xác tao”. M bức xúc về việc anh C không giữ lời hứa và còn thách thức nên đe dọa lại “mày thích thì tao đánh cả mày”, anh C thách thức lại “Mày giỏi thì ra gặp tao ở cầu Vòm Ninh Thắng”. Từ mâu thuẫn trên hai bên nhiều lần gọi điện, nhắn tin đe dọa, hẹn gặp đánh nhau. Lo sợ bị anh C tìm đến đánh nên M ra lều coi cá của gia đình ở thôn D, xã V lấy 01 khẩu súng côn tự chế cùng 05 viên đạn bằng kim loại màu vàng nâu M mua súng và đạn từ năm 2015 với giá 2.000.000 đồng của người không quen biết tại thị xã S, tỉnh T đem về nhà giấu ở đầu giường ngủ của mình.

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 29/12/2018, M đang làm việc tại nhà máy xi măng Lộc Sơn, tại xã V, huyện H, tỉnh B, thì nhận được điện thoại của C thách thức “Bây giờ mày đang ở đâu, về ngã tư trục đường thôn D, xã V, huyện H gần nhà anh C2 gặp tao”. M trả lời “Tao đang làm, mày chờ tao 15 phút”. Sau khi nghe điện thoại của C, M nhờ Phạm Văn T, sinh năm 1994, trú tại thôn D, xã V, huyện H làm giám sát vệ sỹ của nhà máy xi măng Lộc Sơn chờ đi ra ngoài có tý việc. Do nể M là bạn cùng thôn, cùng làm việc và không biết việc M rủ ra ngoài để giải quyết mâu thuẫn nên T đồng ý. T mượn xe

mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS: 35B1-026.69 của anh Lê Thanh N, là người cùng làm trong nhà máy để chở M ra ngoài. M lo sợ khi gặp anh C sẽ xảy ra đánh nhau nên nảy sinh ý định về nhà lấy súng để tấn công lại, M bảo T chở về nhà, T điều khiển xe mô tô về đến cổng nhà M. M bảo T đứng chờ còn M đi vào trong nhà đến đầu giường lấy 01 khẩu súng trong ổ đạn có sẵn 05 viên đạn bỏ vào túi áo khoác đang mặc đi ra ngoài bảo T chở M ra ngã tư trục đường thôn D, xã V, huyện H. Khi đến điểm hẹn, do không thấy C nên M gọi điện thoại cho anh C hỏi “mày đang ở đâu, tao đang ở ngã tư đây”. Lúc này anh C đang làm ở xưởng sản xuất đá của anh Vũ Văn C 2, tại thôn D, xã V, huyện H, nhận được điện thoại của M liền trả lời “đây, đây, đây” và lấy 01 dao bìa cán gỗ KT(38x6,5x2,5) cm là dụng cụ sản xuất sẵn có ở bãi đá, dắt vào cặp quần phía trước bụng rồi phủ áo khoác lên đi bộ ra đứng ở trên vỉa hè ven đường chờ M. Anh C2 thấy C đi ra đường liền đi theo sau khoảng 10m xem có việc gì. M nhìn thấy anh C đứng chờ liền bảo T “đi qua chỗ M”, T điều khiển xe mô tô chở M đi chậm về phía anh C, khi cách C khoảng 10m, C nói “bây giờ thì làm sao” đồng thời tay phải gạt vạt áo rút con dao đang dắt ở cặp quần trước bụng cầm trên tay. M ngồi sau xe mô tô dùng tay phải rút khẩu súng đang giấu trong túi áo khoác ra, ngón tay cái bẻ búa đập, dương súng lên nhằm thẳng người C bóp cò, đạn nổ không trúng người anh C nhưng làm rách vạt áo trước bên trái. T điều khiển xe mô tô chở M đi qua vị trí anh C đang đứng cách khoảng 08m, M tiếp tục bẻ búa đập, nghiêng người về bên phải dương súng nhằm thẳng anh M bóp cò, C giơ tay phải che mặt, viên đạn trúng phía trong khuỷu tay phải làm rách áo và rách da chảy máu. Bị bắn C một tay cầm dao phay, một tay nhặt đá ven đường đuổi theo ném M nhưng không trúng, không gây thương tích cho ai.

T đang điều khiển xe nghe tiếng súng nổ phía sau liền quay lại hỏi M “Mày bắn nó à” thì M trả lời “ừ, chạy đi”. T điều khiển xe mô tô chở M bỏ chạy theo trục đường xã V, trên đường đi M tháo 02 vỏ đạn từ trong súng ra bỏ trong túi áo còn 03 viên đạn chưa sử dụng vẫn để trong ổ đạn. Sau đó cả M, T về nhà máy xi măng Lộc Sơn tiếp tục làm việc cho đến khoảng 12 giờ 15 phút T cùng M đi ăn cơm ở quán cơm ven đường thuộc xã V, huyện H. Tại đây, M đưa cho T khẩu súng mà M đã dùng bắn C, bên trong vẫn đang lắp 03 viên đạn và nhờ T cất giấu, T đồng ý bỏ khẩu súng vào trong cốp xe máy. Sau đó T điều khiển xe mô tô chở M về nhà máy xi măng Lộc Sơn. Trên đường đi M rút 02 vỏ đạn đã lấy ra từ trước xuống ruộng thuộc thôn T, xã V và vào làm việc. T đem khẩu súng có 03 viên đạn cất giấu trong tủ của mình ở trong nhà máy xi măng Lộc Sơn và làm việc bình thường. Anh C sau khi bị bắn do bị thương tích nhẹ nên không đi điều trị thương tích ở các cơ sở y tế nào và có đơn trình báo đến Công an huyện H

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Công M để làm việc. Tại cơ quan điều tra M đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình Cơ quan điều tra triệu tập Phạm Văn T để làm việc. Tại cơ quan điều tra Phạm Văn T đã khai nhận hành vi chở M đến gặp C khi M gây án và giao nộp khẩu súng KT(12,5 x 9 x 2,7) cm, súng bằng kim loại màu đen, báng súng ốp nhựa màu xám giả vân gỗ, trong ổ đạn có 03 (ba) viên đạn có dạng hình trụ, chiều

dài là 2,5 cm, vỏ đạn bằng kim loại màu vàng có đường kính 0,57 cm, đầu đạn bằng kim loại màu đen có đường kính 0,56 cm, trên đáy viên đạn có ký hiệu chữ “R”.

Để phục vụ công tác điều tra vụ án, cơ quan điều tra đã thu giữ của Phạm Văn T: 01 (một) điện thoại di động nhãn Iphone 5S, màu vàng trắng, số Imei : 352040069939072, bên trong lắp 01 (một) sim nhãn hiệu Viettel có dãy số 8984040667002610275. Thu giữ của Bùi Khắc C 01 (một) chiếc áo khoác bằng vải màu đen có 03 vết thủng ký hiệu 1, ký hiệu 2, ký hiệu 3 và 01 chiếc áo bằng vải kẻ caro đen trắng có 01 vết thủng ký hiệu 1 nghi do đạn bắn tạo ra; 01(một) con dao phay màu đen KT (38x6.5x2.5) cm lưỡi dao bằng kim loại màu đen, có một lưỡi sắc, đầu vuông, cán dao làm bằng gỗ dài 12cm. Thu giữ của anh Lê Thanh N: 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát 35B1-026.69; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 35B1- 026.69 mang tên Nguyễn Thị H trú tại thôn M, xã Y, huyện M, tỉnh B. Thu giữ của anh Vũ Văn C 2 01 đầu ghi hình camera màu đen, nhãn hiệu HIKVISION model DS - 7208 HQHI - K1 số serial C05205459. Thu giữ của Phạm Công M: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 5S màu trắng đen, số imei: 358751058567476 lắp 01(một) sim nhãn hiệu viettel dãy số trên sim 8984048000 01120 1220.

Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng là 02 vỏ đạn của Phạm Công M đã vút xuống ruộng thuộc thôn T, xã V, huyện H, nhưng không có kết quả

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ án nằm trên trục đường thôn T, xã Vân, huyện H. Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã xem xét dấu vết trên thân thể của bị hại Bùi Khắc C, xác định: Mặt trong khuỷu tay phải có vết xây sát da, chảy máu, kích thước (1 x 0,5) cm.

Ngày 30/01/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã ra Quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ % tổn hại sức khỏe đối vết thương của anh Bùi Khắc C, nhưng anh C từ chối giám định với lý do vết thương do anh M gây ra thương tích nhẹ, đã khỏi và cam kết không có yêu cầu đền nghị gì.

Ngày 29/12/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B giám định đối với 01(một) khẩu súng và 03 viên đạn còn lại mà Phạm Công M đã sử dụng bắn anh Bùi Khắc C. Tại bản kết luận giám định số 02/KLGD-PC09-SĐ ngày 31/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận:

+ *Khẩu súng gửi giám định là loại súng ngắn kiểu ổ quay, bắn được loại đạn cỡ 5.6 mm, không phải là vũ khí quân dụng. Khẩu súng là vũ khí có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng. Hiện tại khẩu súng còn sử dụng để bắn được.*

+ *03(ba) viên đạn gửi giám định là loại đạn thể thao cỡ 5.6x15.5 mm không phải đạn quân dụng. 03 viên đạn trên sử dụng để bắn được cho khẩu súng gửi giám định.*

+ *Không tiến hành thực hiện giám định khoảng cách gây sát thương khi sử dụng khẩu súng trên do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B không có đầy đủ điều kiện thực nghiệm.*

Ngày 01/01/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện H trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định đối với 01 (một) khẩu súng, 01 (một) viên đạn và 02 (hai) chiếc áo

mà anh Bùi Khắc C mặc khi bị Phạm Công M dùng súng bắn. Tại bản kết luận giám định số 16/C09-P3 ngày 03/01/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

+ *Sử dụng khẩu súng ngắn ký hiệu “USA” gửi giám định bắn đạn vào cơ thể người trong khoảng cách 15 mét sẽ gây chết hoặc bị thương.*

+ *03 dấu vết thủng ký hiệu 1, ký hiệu 2, ký hiệu 3 trên chiếc áo khoác đen và dấu vết thủng ký hiệu 1 trên chiếc áo vải caro không đủ yếu tố giám định có phải do đạn bắn tạo ra không.*

Ngày 29/12/2018, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H ra quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B trích xuất, phân tích, sao lưu dữ liệu Video trên Camera ghi hình thu giữ của gia đình anh Vũ Văn C2 tại hiện trường xảy ra vụ án, thời gian từ 11 giờ 50 phút đến 12 giờ ngày 29/12/2018.

Tại bản kết luận giám định số 03/KLGD - PC09 - KTS & ĐT ngày 03/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, kết luận: Trích xuất được 01 tệp Video có tổng dung lượng 113 MB lưu trữ trong đầu ghi hình Camera gửi giám định trong thời gian từ 11 giờ 50 phút đến 12 giờ 00 phút ngày 29/12/2018 có hình ảnh hiện trường và những người có liên quan khi xảy ra vụ án. Kèm theo kết luận giám định 01 đĩa DVD sao lưu dữ liệu hình ảnh Video trích xuất và 01 bản ảnh giám định phân tích một số hình ảnh trích xuất được từ đầu ghi hình tại hiện trường khi xảy ra vụ án

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 06/3/2019, anh Phạm Ngọc T2, sinh năm 1985, trú tại thôn D, xã V, huyện H, là anh trai của Phạm Công M đã tự nguyện bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho bị hại Bùi Khắc C để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của Phạm Công M gây ra. Anh C đã nhận tiền và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho M.

Tại bản cáo trạng số 11/CT – VKS- P1 ngày 17/4/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đã truy tố bị cáo Phạm Công M về tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự và bị cáo Phạm Văn T về tội “Che giấu tội phạm” theo khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như Bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Công M phạm tội “Giết người”; bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Che giấu tội phạm”. Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 15 và khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Công M từ 06 đến 07 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphon 5s màu trắng đen lắp sim nhãn hiệu viettel thu giữ của Phạm Công M. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại gồm: 01 khẩu súng ngắn kích thước (12,5x9x2,7)cm, 01 viên đạn còn lại sau giám định (Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh B); 01 chiếc áo khoác bằng vải màu đen; 01 chiếc áo khoác bằng vải kẻ caro đen trắng; 01 con dao

phay màu đen kích thước (38x6,5x2,5)cm; 01 vỏ túi niêm phong có dấu của Viện khoa học hình sự Bộ Công an (Chi tiết các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra và Cục thi hành án dân sự tỉnh B). Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận việc bồi thường 10.000.000 đồng của gia đình bị cáo cho bị hại Bùi Khắc C.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Công M và Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đã truy tố. Bị cáo Phạm Công M xác định hành vi phạm tội của mình bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B truy tố về tội "Giết người" là đúng pháp luật.

Bị cáo Phạm Văn T xác định hành vi phạm tội của mình bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B truy tố về tội "Che dấu tội phạm" cũng là đúng pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo M rất ân hận với hành vi phạm tội của mình trong lúc nóng giận do bị ức chế về tinh thần không làm chủ được bản thân đã phạm tội, bị cáo đã nhờ gia đình bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội. Bị cáo T đề nghị giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo tại địa phương.

Bị hại Bùi Khắc C đề nghị xét xử vắng mặt, xác nhận đã nhận bồi thường số tiền 10.000.000 đồng khắc phục hậu quả, nay không yêu cầu bồi thường thêm khoản nào khác và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân tỉnh B đã nghiên cứu hồ sơ ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử thấy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về tội danh của các bị cáo: Lời khai của bị cáo Phạm Công M tại phiên tòa phù hợp với Cáo trạng, lời khai của bị cáo Phạm Văn T, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 29/12/2018 (*Bút lục* 79, 80) và Biên bản thực nghiệm điều tra ngày 30/12/2018 (*Bút lục* 93, 94.), Bản kết luận giám định số

02/KLGD-PC09-SĐ ngày 31/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B (*Bút lục 160*); Bản kết luận giám định số 16/C09-P3 ngày 03/01/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an (*Bút lục 170*)

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn từ trước nên Phạm Công M và Bùi Khắc C nhiều lần điện thoại thách thức hẹn đánh nhau . Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 29/12/2018, tại ngã tư đường trục thôn D, xã V, huyện H. Phạm Công M đã dùng súng ngắn kiểu ổ quay có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng bắn 02 phát thẳng vào người Bùi Khắc C. Phát thứ nhất ở khoảng cách 10,7 m đạn không trúng C nhưng xuyên qua vạt áo khoác. Phát thứ hai ở khoảng cách 8,6 m, C giơ tay phải che mặt, viên đạn trúng phía trong khuỷu tay phải làm rách áo và rách da chảy máu . Việc Bùi khắc C không tử vong là ngoài ý muốn của Phạm Công M, vì M bắn không trúng vùng nguy hiểm trên cơ thể của anh C.

Hành vi nêu trên của Phạm Công M đã phạm tội “Giết người” thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản Điều 123 của Bộ luật hình sự Điều 123 Bộ luật Hình sự tội "Giết người" quy định:

1. "Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

- a) Giết 02 người trở lên
- b) Giết người dưới 16 tuổi;
- c) Giết phụ nữ biết là có thai
- d) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân
- đ) Giết ông bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng thầy giáo cô giáo của mình
- e) Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng
- g) Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác
- h) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân
- i) Thực hiện tội phạm một cách man rợ
- k) Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp
- l) Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người
- m) Thuê giết người hoặc giết người thuê
- n) Có tính chất côn đồ
- o) Có tổ chức
- p) Tái phạm nguy hiểm
- q) Vì động cơ đê hèn

2. Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản Điều này, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

3.....

4.....

Phạm Văn T là người đã dùng xe mô tô Biển kiểm soát 35B1 - 026.69 chở Phạm Công M về nhà M lấy súng, sau đó chở M đến đường trục thôn D, xã V, huyện H để M dùng súng bắn vào người Bùi Khắc C . Việc M dùng súng vào việc phạm tội T không

được biết trước. Tuy nhiên sau khi biết M phạm tội T không tố giác với các cơ quan có thẩm quyền để điều tra xử lý mà còn tiếp tục giúp M cất giấu khẩu súng M đã dùng vào việc phạm tội tại tử cá nhân trong phòng làm việc của mình nhằm che giấu tội phạm

Hành vi của Phạm Văn T đã cấu thành tội “Che giấu tội phạm”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự.

Điều 389. Tội che giấu tội phạm

1. Người nào không hứa hẹn trước mà che giấu một trong các tội phạm quy định tại các điều sau đây của Bộ luật này, nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm:

a)

b) **Điều 123**, các khoản 2,3 và 4 Điều 141, Điều 142, Điều 144, khoản 2 và khoản 3 Điều 146, các khoản 1, 2 và 3 Điều 150, các Điều 151,152,153 và 154;

c).....

2.....

[3]Nhận định của Hội đồng xét xử về hình phạt của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Công M là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến tính mạng của người bị hại là khách thể đặc biệt được luật Hình sự ưu tiên bảo vệ bởi lẽ mạng sống của con người là bất khả xâm phạm không ai có quyền tước đoạt một cách trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Bị cáo M phạm tội trong trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy cần phải có mức hình phạt thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo một thời gian dài khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo M một phần hình phạt vì trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo bị cáo có ông nội là liệt sỹ, là người có công với cách mạng. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo phạm tội chưa đạt nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 15 và khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự khi xem xét quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Phạm Văn T giúp M cất giấu khẩu súng M đã dùng vào việc phạm tội giết người, nhằm mục đích gây khó khăn và xâm phạm đến hoạt động điều tra truy tố, xét xử của các cơ quan tư pháp. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo T một mức hình phạt tương xứng để răn đe, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm tương tự.

Bị cáo Phạm Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu do nể nang, bộp chộp nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử thấy bị cáo Phạm Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết cách ly khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự, tạo điều kiện cho bị cáo T suy ngẫm tự sửa chữa lỗi lầm.

[4] Về xử lý hành chính đối với những người có hành vi liên quan trong vụ án:

Bị cáo M sử dụng súng để bắn anh C nhưng súng và số đạn này không phải là vũ khí quân dụng, song M đã mua và cất giấu ở nhà mình là đã vi phạm điểm đ khoản 3 Điều 10 Nghị định 167/2013/NĐ-CP. Ngày 19/3/2019 phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh B đã ra Quyết định xử phạt hành chính số 08/QĐ –XPHC đối với Phạm Công M với số tiền là 3.000.000 đồng là đúng pháp luật.

Đối với anh Bùi Khắc C: Là bị hại trong vụ án cũng là đối tượng hình sự có nhiều tiền án tiền sự chưa được xóa án tích; cũng có lỗi thể hiện ở việc đe dọa, hẹn gặp đánh nhau, chuẩn bị dao, chủ động có lời nói khiêu khích, rút dao, cầm dao đuổi theo sau khi bị bắn, chưa gây hậu quả cho ai. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cho rằng hành vi trên chưa cấu thành tội phạm. Do vậy không đề cập xử lý về hình sự, hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh B đã yêu cầu bổ sung tài liệu chứng cứ theo quy định tại Điều 45 và Điều 284 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngày 8/5/2019, Công an tỉnh B đã ra Quyết định số 15/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với Bùi Khắc C là đúng pháp luật.

Đối với anh Phạm Văn C1, sinh ngày 08/02/2003, trú tại phố Đ , phường P, thành phố B , tỉnh B. Tài liệu điều tra xác định tháng 12/2018 đã 02 lần có hành vi đánh anh Vũ Tuấn K , sinh ngày 02/11/2001, trú tại thôn L xã H, huyện H, tỉnh B tại khu vực cầu vượt thuộc phường T, thành phố B và cổng trường THPT Trần Hưng Đạo thuộc phường P , thành phố B nhưng chưa gây hậu quả . Hành vi trên đã phạm vào điểm a khoản 2 điều 5 Nghị định 167/2013/NĐ-CP. Ngày 19/3/2019, phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh B đã ra Quyết định xử lý hành chính bằng hình thức phạt cảnh cáo đối với Phạm Văn C1 là đúng pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, gia đình bị cáo đã thay mặt Phạm Công M tự nguyện bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho bị hại Bùi Khắc C để khắc phục hậu quả . Anh C đã nhận tiền và có đơn không yêu cầu M bồi thường thêm. Hội đồng xét xử thấy cần ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường này.

[5] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan cơ quan điều tra Công an tỉnh B đã ra quyết định xử lý vật chứng đảm bảo đúng pháp luật đối với một số vật chứng và tài sản trong vụ án

Các vật chứng còn lại gồm : 01 (một) khẩu súng ngắn KT (12,5 x 9 x 2,7)cm, Súng bằng kim loại màu đen, báng súng ốp nhựa màu xám giả vân gỗ; 01 viên đạn còn lại sau giám định , cơ quan điều tra Công an tỉnh B đã chuyển đến Phòng kỹ thuật Bộ chỉ huy quân sự tỉnh B quản lý chờ xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với các vật chứng: 01 chiếc áo khoác bằng vải màu đen; 01 (một) chiếc áo bằng vải kẻ caro đen trắng; 01 con dao phay màu đen KT (38x6.5x2.5) cm lưỡi dao bằng kim loại màu đen, có một lưỡi sắc, đầu vuông, cán dao làm bằng gỗ dài 12cm; và

01 vỏ túi niêm phong có dấu của Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Hội đồng xét xử thấy đây là những vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu trắng đen thu giữ của bị cáo M, là phương tiện phạm tội, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[5] Các bị cáo Phạm Công M và Phạm Văn T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 15 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Công M.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T.

- Căn cứ vào: Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên bố: Bị cáo Phạm Công M phạm tội “*Giết người*” và bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Che giấu tội phạm*”.

Xử phạt bị cáo Phạm Công M **07** (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo 29/12/2018.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T **12** (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, tính từ ngày tuyên án (22/05/2019).

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Thành có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh B trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) giữa bị cáo Phạm Công M và bị hại Bùi Khắc C để khắc phục hậu quả.

3- Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy những vật chứng sau: 01 khẩu súng ngắn kích thước (12,5x9x2,7)cm, 01 viên đạn còn lại sau giám định (Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh B); 01 chiếc áo khoác bằng vải màu đen; 01 chiếc áo khoác bằng vải kẻ caro đen trắng; 01 con dao phay màu đen kích thước (38x6,5x2,5) cm; 01 vỏ túi niêm phong có dấu của Viện khoa học hình sự Bộ Công an (Chi tiết các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra và Cục thi hành án dân sự tỉnh B).

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu trắng đen. (Chi tiết đặc điểm các vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày

19/04/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B và Cục thi hành án dân sự tỉnh B).

4- Án phí: Các bị cáo Phạm Công M và Phạm Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao (01 bản)
 - VKSND Cấp cao (01 bản)
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản)
 - Phòng Kiểm tra thi hành án (04 bản)
 - Phòng PC02 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản)
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản)
 - Trại tạm giam (01 bản)
 - Bị cáo (02 bản)
 - Đại diện hợp pháp bị hại (01 bản)
 - Sở tư pháp (01 bản)
 - Lưu hồ sơ (02 bản)
 - Lưu tòa (01 bản)
 - Lưu tổ hành chính tư pháp (01 bản)
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú)

**T. M/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hiệp

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao (01 bản)
 - VKSND Cấp cao (01 bản)
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản)
 - Phòng Kiểm tra thi hành án (04 bản)
 - Phòng PC02 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản)
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản)
 - Trại tạm giam (01 bản)
 - Bị cáo (01 bản)
 - Đại diện hợp pháp bị hại (01 bản)
 - Sở tư pháp (01 bản)
 - Lưu hồ sơ (02 bản)
 - Lưu tòa (01 bản)
 - Lưu tổ hành chính tư pháp (01 bản)
- (Thông báo cho chính quyền địa phương)

**T. M/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hiệp

nơi bị cáo cư trú)

